

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **KHS-COM-OD05** 2022
Về công bố giải trình báo cáo tài chính hợp
nhất quý IV năm 2021

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988

- E-mail: info@kihuseavn.com

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/01/2022
tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm
2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 02/2022/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất Quý 4/2021

Kiên Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2021, chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 4 năm 2021 và Quý 4 năm 2020:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 4/2021	Quý 4/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	240,377,975,474	334,547,213,768	(94,169,238,294)	(28.15)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	822,569,760	338,582,928	483,986,832	142.94
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	239,555,405,714	334,208,630,840	(94,653,225,126)	(28.32)
4. Giá vốn hàng bán	11	208,597,837,849	307,891,421,061	(99,293,583,212)	(32.25)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30,957,567,865	26,317,209,779	4,640,358,086	17.63
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,277,254,694	864,531,221	412,723,473	47.74
7. Chi phí tài chính	22	5,387,715,385	7,697,655,679	(2,309,940,294)	(30.01)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	4,359,401,775	7,150,460,923	(2,791,059,148)	(39.03)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	

9. Chi phí bán hàng	25	7,786,357,061	8,646,813,684	(860,456,623)	(9.95)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6,383,734,907	6,858,506,881	(474,771,974)	(6.92)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	12,677,015,206	3,978,764,756	8,698,250,450	218.62
12. Thu nhập khác	31	1,196,755,041	13,500,000	1,183,255,041	8,764.85
13. Chi phí khác	32	1,081,039,558	848,907,237	232,132,321	27.34
14. Lợi nhuận khác	40	115,715,483	(835,407,237)	951,122,720	113.85
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	12,792,730,689	3,143,357,519	9,649,373,170	306.98
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12,792,730,689	3,143,357,519	9,649,373,170	306.98
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	11,107,756,435	4,462,379,220	6,645,377,215	148.92
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	1,684,974,254	(1,319,021,701)	3,003,995,955	227.74
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	827	332	495	149.10
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	827	332	495	149.10

Lợi nhuận sau thuế của Quý 4 năm 2021 theo BCTC hợp nhất của cổ đông Công ty mẹ tăng 148.92 % so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân do:

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ tăng 92% so với cùng kỳ năm 2020, (xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2021)
- Công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki) từ lỗ chuyển sang lãi:

Nguyên nhân lãi của công ty con:

- Thay đổi Giám đốc điều hành Công ty TNHH Thủy Sản Aoki
- Tổ chức sản xuất ổn định sau thời gian tạm dừng sx để phòng chống dịch COVID-19 theo chỉ thị 15 và 16+.
- Giá nguyên liệu giảm nên giá vốn cũng giảm theo.
- Chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ năm trước do giảm dư nợ vay dài hạn và chính sách hỗ trợ lãi suất để phòng chống dịch COVID-19 .
- Sắp xếp hợp lý bộ phận quản lý doanh nghiệp và phương pháp trả tiền lương theo chức năng và nhiệm vụ được giao

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2021 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 4/2021	Quý 4/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	80,403,646,658	118,897,703,073	(38,494,056,415)	(32.38)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	821,674,260	323,030,000	498,644,260	154.36
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	79,581,972,398	118,574,673,073	(38,992,700,675)	(32.88)
4. Giá vốn hàng bán	11	70,751,587,402	113,178,819,110	(42,427,231,708)	(37.49)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	8,830,384,996	5,395,853,963	3,434,531,033	63.65
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	879,943,088	445,760,463	434,182,625	97.40
7. Chi phí tài chính	22	1,174,403,220	1,379,069,913	(204,666,693)	(14.84)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	751,708,606	1,192,871,462	(441,162,856)	(36.98)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	3,631,823,619	4,579,591,034	(947,767,415)	(20.70)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,670,643,753	2,274,781,559	(604,137,806)	(26.56)
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}	30	3,233,457,492	(2,391,828,080)	5,625,285,572	235.19
12. Thu nhập khác	31	208,500,000		208,500,000	
13. Chi phí khác	32	3,234,525	300,052,942	(296,818,417)	(98.92)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	205,265,475	(300,052,942)	505,318,417	168.41
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	3,438,722,967	(2,691,881,022)	6,130,603,989	227.74
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	3,438,722,967	(2,691,881,022)	6,130,603,989	227.74

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong Quý 4 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH

